

Bản án số: **125 /2018/HSST**
Ngày: 03/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Nguyễn Thế Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Tiến Lợi**

Ông Trần Trung Úy

- Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Huyền** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: **Bà Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 108/2018/TLST - HS ngày 12/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST - HS ngày 20/9/2018 đối với bị cáo:

Đàm Việt Đ (tức V), sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn XD, xã YT, huyện GL, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Văn H và bà Trần Thị L; vợ, con: Chưa có; Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 13/4/2009, Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi Trộm cắp tài sản, thời hạn 12 tháng; Ngày 01/02/2010 chấp hành xong.

- Ngày 26/7/2010, Công an thị trấn YV, huyện GL, Tp. Hà Nội xử phạt hành chính hình thức phạt tiền 75.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 19/8/2011 đã nộp tiền phạt.

- Ngày 09/11/2010, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội phạt 09 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/7/2011; Ngày 14/3/2011 nộp tiền án phí.

- Ngày 16/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm phạt 20 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/5/2013; Ngày 07/5/2012 nộp tiền án phí.

- Ngày 03 tháng 4 năm 2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Anh khởi tố vụ án hình sự về tội Cố ý gây thương tích theo Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Danh chỉ bản số 413 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 07/7/2018; Bị tạm giữ từ **ngày 06/7/2018 đến ngày 15/7/2018**; Hiện đang tại ngoại tại địa phương; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Hà Huy T, sinh năm 1987 (chết ngày 24/9/2018); Trú tại Xóm B, xã TĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1992 (vợ anh T); Trú tại: Xóm B, xã TĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn 6, xã NH, huyện GL, Tp. Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Việt Đ quen biết với anh Hà Huy T ở xóm B, xã TĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội từ năm 2015. Ngày 24/5/2018, Đ đến nhà anh T chơi và ngủ lại qua đêm tại nhà anh T. Khoảng 04 giờ sáng ngày 25/5/2018, Đ dậy và gọi anh T nhờ chở Đ ra bến xe để đi về nhà Đ ở xã YT, huyện GL, Tp. Hà Nội. Nhưng do còn sớm, nên anh T không đồng ý chở Đ, mà bảo với Đ cứ ngủ tiếp đợi đến 7 giờ sáng cùng ngày sẽ chở Đ ra bến xe, nói xong anh T ngủ tiếp. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, Đ vẫn thấy anh T ngủ. Lúc này, Đ nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe máy của anh T. Đ lấy chìa khóa xe mô tô Honda Dream BKS 29X1-260.15 của anh T và mở khóa điện, dắt xe ra khỏi nhà anh T. Sau đó nổ máy điều khiển xe đi về nhà Đ. Khi tỉnh dậy không thấy xe, anh T nghi cho Đ lấy trộm, nên gọi điện thoại cho Đ hỏi về chiếc xe, ban đầu Đ trả lời không biết, nhưng anh T nói rõ chỉ có Đ lấy trộm. Biết không thể chối cãi được, Đ thừa nhận lấy trộm xe trên của anh T. Ngày 29/5/2018, Đ mang xe trộm cắp được của anh T đến gặp anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1993 ở thôn 6, xã NH, huyện GL, Tp. Hà Nội để cầm cố. Nhưng do xe không có giấy tờ, nên anh H2 không đồng ý cầm cố xe. Lúc này, Đ đặt vấn đề vay anh H2 số tiền 4.000.000 đồng đi giải quyết công việc, để làm tin Đ để lại chiếc xe trên cho anh H2 giữ, hẹn 1-2 ngày sau quay lại trả tiền lấy xe. Vì quen biết Đ, nên anh H2 đồng ý cho Đ vay số tiền 4.000.000 đồng và giữ chiếc xe trên lại. Sau nhiều lần điện thoại cho Đ, anh T đã gặp Đ hỏi được địa chỉ

Đ gửi xe của mình. Anh T đã đến gặp anh H2, trả cho anh H2 số tiền 4.000.000 đồng mà Đ đã vay của anh H2 để lấy xe mô tô BKS: 29X1- 260.15 về giao nộp cho Công an huyện Chương Mỹ.

Ngày 06/7/2018, Đàm Việt Đ đã đến Công an huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô BKS: 29X1- 260.15, nhãn hiệu Honda Dream màu sơn nâu, số máy HA08EO777365, số khung 08085Y777300 đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá số 73/TC-KLĐG ngày 06/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận: 01 xe mô tô BKS 29X1-260.15, nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, số máy HA08EO777365, số khung 08085Y777300, giá trị còn lại là: **8.500.000 đồng**.

Cáo trạng số 105/CT-VKS ngày 11/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ đã truy tố **Đàm Việt Đ** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS 2015).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt Đàm Việt Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Đ hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị H1 là đại diện hợp pháp của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị H1 là đại diện hợp pháp của bị hại; anh Nguyễn Đức H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét thấy chị

H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ yêu cầu Đàm Việt Đ hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng; Anh Nguyễn Đức H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra anh H2 đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu khác Cơ quan điều tra đã thu thập, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 25/5/2018, tại gia đình anh Hà Huy T ở xóm B, xã TĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội, Đàm Việt Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp của anh Hà Huy T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 29X1-260.15, trị giá **8.500.000 đồng**. Hành vi của Đàm Việt Đ đã cấu thành tội *Trộm cắp tài sản* theo Khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Đàm Việt Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật. Bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về hành vi Trộm cắp tài sản nhưng không chịu tu dưỡng bản thân, lấy đó làm bài học vẫn cố ý phạm tội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để đảm bảo tính răn đe và giáo dục chung.

[2.2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự giác đến đầu thú tại Cơ quan Công an là các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[2.4] Đối với anh Nguyễn Đức H2 do không biết xe máy Đ mang đến gửi là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H2 là có căn cứ.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Hà Huy T đã nhận lại xe mô tô BKS 29X1-260.15 và không đề nghị Đ phải bồi thường thêm tiền cho chiếc xe trên. Đối với số tiền 4.000.000 đồng mà anh T đã trả hộ Đ đưa cho anh H2 để lấy

chiếc xe mô tô trên về. Anh T đề nghị Đ phải hoàn trả số tiền trên cho mình. Ngày 24/9/2018, anh Hà Huy T đã chết. Người đại diện hợp pháp của anh T là chị Nguyễn Thị H1 (vợ anh T) vẫn giữ nguyên yêu cầu Đ trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho chị là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã xác minh xe mô tô BKS: 29X1- 260.15 là tài sản hợp pháp của anh Hà Huy T nên ngày 19/7/2018, đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe mô tô trên cho anh T quản lý, sử dụng là có căn cứ.

[2.7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Đàm Việt Đ (tức V)** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt:

Đàm Việt Đ 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày **06/7/2018 đến ngày 15/7/2018**.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Đàm Việt Đ hoàn trả số tiền **4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)** cho chị Nguyễn Thị H1 là người đại diện hợp pháp của bị hại.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THA HS;
- Lưu HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lợi